

Diện mạo dòng thơ văn các chúa Trịnh¹

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Vào thời Lê Trung hưng, xã hội Đại Việt tuy đầy biến động nhưng lại hưng thịnh về văn học với đóng góp của dòng văn Trịnh phủ với các tác giả tiêu biểu như Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh, Trịnh Sâm... Bài viết thông tin, lược khảo về dòng văn học này ngõ hầu phục dựng diện mạo một dòng văn học cung đình độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại.

Từ khóa: Văn học Việt Nam thời Lê Trung hưng, Dòng thơ văn, Thơ văn chúa Trịnh

Abstract: During the Restored Lê period, while Đại Việt's society was volatile, its literature was truly prosperous, partly due to the tributes of Trinh Lord family members such as: Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh, Trịnh Sâm, etc. This paper briefly examines the Trinh authors to reconstruct an image of a unique royal literature movement in the process of Vietnamese medieval literature.

Keywords: The Restored Lê Period's Literature, Literary Movement, Trinh Lords' Literary Works

Ngày nhận bài: 03/7/2025; Ngày duyệt đăng: 19/9/2025

1. Mở đầu

Dù là các vị chúa luôn bận rộn việc chính sự và mãi mê chinh chiến để khẳng định quyền lực của dòng họ, nhưng nhiều vị chúa Trịnh vẫn yêu thích và sáng tác thơ ca. Trong sự phát triển của văn học thời Lê Trung hưng, các thi nhân họ Trịnh để lại dấu ấn đậm nét. Trịnh Căn có *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh*, Trịnh Cương có *Lê triều ngự chế quốc âm thi*, Trịnh Doanh có *Càn Nguyên ngự chế thi tập*, Trịnh Sâm có *Tâm thanh tồn dục tập*,... Bài viết phác họa diện mạo dòng thơ văn các chúa Trịnh

và khẳng định giá trị độc đáo của dòng thơ văn này trong lịch sử văn học Việt Nam thời trung đại.

2. Chúa Trịnh và bối cảnh lịch sử - xã hội thời Lê Trung hưng

Vào thế kỷ XVII-XVIII, nước Việt có tình trạng phân tranh, rồi phân liệt giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài nên dẫn đến hình thành hai vùng chính trị, văn hóa, quân sự riêng biệt². Ở Đàng Ngoài, sau khi không thể vượt sông Gianh đánh bại họ Nguyễn, thu phục lại xứ Thuận - Quảng (dù có tiềm lực quân sự vượt trội và cả tính

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ "Thơ văn các chúa Trịnh: diện mạo và đặc điểm" (2025-2026), do TS. Nguyễn Mạnh Hoàng chủ nhiệm, Viện Thông tin Khoa học xã hội chủ trì.
^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hoangnguyenh261280@gmail.com

² Năm 1627 chính thức bắt đầu thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài trong suốt 45 năm, cuối cùng bắt phân thắng bại, hai bên hưu chiến. Năm 1672, chúa Trịnh Tạc và chúa Nguyễn Phúc Tần cùng thừa nhận sông Gianh là biên giới phân chia hai miền. Phía Bắc là Bắc Hà, hay Đàng Ngoài, phía Nam là Đàng Trong.

“chính danh”), các chúa Trịnh tiếp tục lợi dụng uy tín và cả kinh nghiệm chính trị của nhà Lê sơ, nỗ lực khôi phục thời hoàng kim Hồng Đức (1470-1497) dưới mô hình chính trị mới: vừa có vua, vừa có chúa. Trong khi đó, ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn nỗ lực “Nam tiến” chinh phục miền đất mới, tạo lập vương triều, củng cố thế lực để đối phó với chúa Trịnh và mở ra con đường phát triển mới cho Đại Việt về sau. Hiện trạng lịch sử đó kéo dài cho đến tận năm 1786 khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc dưới danh nghĩa “phò Lê diệt Trịnh”, sau đó dần dần lập nên nhà Tây Sơn thay thế cả chúa Trịnh lẫn vua Lê (1788), còn chúa Nguyễn mở rộng về vùng Nam Bộ.

Mở đầu sự nghiệp họ Trịnh là Trịnh Kiểm (1503-1570). Ông theo Nguyễn Kim trong cuộc chiến “phò Lê diệt Mạc”. Nhờ tài năng và công lao, ông được Nguyễn Kim tin cậy và gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo. Năm 1539, Trịnh Kiểm được phong Đại tướng quân, tước Dực quận công. Năm 1545, Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm lên cầm quyền, thống lĩnh quân đội. Từ đây, họ Trịnh dần trở thành dòng tộc “phi đế phi bá/quyền khuynh thiên hạ” nhưng đến năm 1599 mới chính thức được phong vương, khi Trịnh Tùng (1549-1623) được vua Lê phong Đô Nguyên súy Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An vương, nắm mọi quyền hành trong nước, mở đầu nghiệp chúa. Các vị chúa tiếp theo, nổi bật là Trịnh Tráng (1577-1657), Trịnh Tạc (1606-1682), Trịnh Căn (1633-1709), Trịnh Cương (1686-1729), Trịnh Doanh (1720-1767) và Trịnh Sâm (1739-1782), đều là những nhà chính trị - quân sự có tài, do đó đã dần dần hoàn thành việc đánh dẹp, cai trị phía Bắc Đại Việt, giữ cho xã hội thời Lê Trung hưng ổn định hàng thế kỷ. Tuy chiến tranh Lê (mà thực chất là Trịnh) - Mạc diễn ra khốc liệt trong khoảng giữa thế kỷ XVI và chiến tranh Trịnh - Nguyễn diễn ra ác

liệt trong khoảng giữa thế kỷ XVII, nhưng trong thời gian đó miền Bắc ít có bạo loạn, căn bản là yên ổn. Các chúa Trịnh lấy danh nghĩa phò tá nhà Lê nhưng nắm thực quyền điều hành chính sự, còn nhà Lê “nhờ” họ Trịnh giúp đỡ mọi chuyện chính sự, hai bên nương tựa lẫn nhau tồn tại tới hơn 240 năm. Có thể thấy, thời đại chúa Trịnh là thời nội chiến, thời của thế chế lưỡng đầu, vừa có vua vừa có chúa, nên luôn tồn tại mâu thuẫn dai dẳng trong cung đình giữa những người trong dòng họ Trịnh nắm thực quyền và những người trong dòng họ Lê chỉ có quyền trên danh nghĩa. Các chúa Trịnh, dù có công lao với đất nước, vẫn bị mang tiếng là những quyền thần lộng hành, hà hiếp, lấn át vua Lê, như sử sách nhà Nguyễn sau này đã phê phán mạnh mẽ.

Thời Lê Trung hưng, ngoài các thành tựu chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao..., các chúa Trịnh trong thời gian cầm quyền đã tỏ rõ ý thức kiến tạo bản sắc văn hóa Đại Việt. Về văn học, thời Lê - Trịnh, văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm cùng song hành phát triển. Các thể thơ dân tộc (lục bát, song thất lục bát, hát nói,...) chính thức ra đời và đạt được những thành tựu quan trọng.

3. Đời sống văn học cung đình thời Lê Trung hưng

Sự nghiệp văn chương của các chúa Trịnh trước hết được ghi chép trong các sử sách như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Lịch triều tạp ký*, *Tang thương ngẫu lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*,...

Theo *Đại Việt sử ký tục biên*, năm 1698, chúa Trịnh Căn đến nhà Thái Học, “yết Tiên thánh, thân làm thơ ca tụng đạo đức thánh nhân, khắc vào bia dựng ở cửa nhà Thái Học” (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 40). Sách *Tang thương ngẫu lục* cho biết chúa Trịnh Căn có bài *Phật Tích sơn tự thi* khá thú vị vịnh thắng cảnh chùa Thầy ở núi Sài Sơn.

Đặc biệt, *Lịch triều tạp ký* ghi chép nhiều trước tác gồm thơ, ca, biểu của các chúa Trịnh. Chẳng hạn, năm 1718 Trịnh Cương cử Bồi tụng Nguyễn Công Hãng và Phụng thiên phủ doãn Nguyễn Bá Tông sang nhà Thanh cáo phó về tang vua Lê Hi Tông và cầu phong. Để ban cho các sứ thần này, chúa làm hai bài thơ, một bài Đường luật, một bài thơ Nôm. Ngày từ biệt ở thềm rồng, Nguyễn Công Hãng cảm động có dâng tờ khải tạ ơn: "... Nay trong khi từ biệt bệ rồng, đã được nghe tiếng nói thánh thượng úy lạo ân cần, lại được ban thêm cho hai bài thơ: bài Đường luật và bài quốc âm. Kính cẩn xem thơ văn thánh chúa, thần vô cùng cảm động và sợ hãi (...) Thơ văn nhà chúa rực sáng như mặt trời, ân sủng từ mây xanh ban xuống cho thần. Quang vinh tỏa khắp nơi cao và chốn thấp, vẻ vang tràn ngập cả mũ áo của thần. Ôn phi thường được bệ trên rảy tưới, dầu bỏ mình cũng chưa đủ báo đáp được" (Ngô Cao Lãng, Xiển Trai, 1995: 245-247). Hay năm 1721, chúa Trịnh Cương đi chơi hồ Tây, các quan Trịnh Quán, Đặng Đình Tướng, Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn đều đi hộ giá. Chúa Trịnh Cương đích thân làm hai bài thơ Nôm để ban cho họ. Trong thơ có tán tụng, ví von chúa - tôi họ như cảnh cá gặp nước, tương đắc với nhau. Mấy bề tôi đều có dâng thư ca tụng và tạ ơn nhà chúa. Hoặc như năm Nhâm Dần, Bảo Thái thứ 3 (1722), tháng 9 chúa Trịnh Cương ra chơi phía Tây thành Thăng Long xem xét việc gặt hái. Bấy giờ được mùa, lúa tốt, chúa thân đi xem, ban rượu thịt cho mọi người, nhân đó ngẫu hứng làm bài thơ *Phong niên thi* và một thiên *Phong niên vịnh* (một cách điệu từ khúc) để kỷ niệm. Vào hạ tuần tháng 10 năm Mậu Thân, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (1728), trong vườn Kỳ Viên, trên cây thiên tuế nảy ra 9 giò. Chúa Trịnh đã làm bài từ "ban cho vườn Kỳ viên" và hai bài thơ *Từ kỳ viên tứ* (1 bài chữ Hán, 1 bài chữ Nôm)

cùng phụ đôi câu đối nói về điềm lành. Đến tháng 11 năm ấy, ngày 16, có rồng xuất hiện ở trước lầu Ngũ Long, chúa Trịnh sai bói cỏ thi được quẻ Lôi Địa Dự. Chúa cũng mừng điềm lành bèn làm ra hai bài thơ để ghi lại (cũng một bài chữ Hán, một bài chữ Nôm), v.v...

Sử sách còn ghi chép nhiều sự kiện thù tạc thơ ca giữa chúa Trịnh và các bề tôi. Theo *Đại Việt sử ký tục biên*, chúa Trịnh Giang "thích văn nghệ, thường những khi ngoài buổi triều hội, mời các bày tôi thi tụng vào ăn yến trong lầu gác. Có lúc ở nhà Dưỡng Chính, đình Bát Giác, Tây Tung, Phụng Các "cho các bày tôi được xem, bàn bạc sách vở, nghiên cứu đúng rõ nghĩa văn. Hoặc cho xem phép viết chữ chân, thảo, triện. Hoặc hạn văn bảo làm thơ. Hoặc bảo tìm các bức thư, các bài ký, tụng, minh, châm, truyện, dẫn, chiếu, chế triều nay, đề vịnh cảnh vật. Ai thi trúng thì khen thưởng trước mặt. Lại sai biên tập thi văn nước ta, chia ra từng mục, từng loại, rõ cả họ tên tác giả để khi xem được đầy đủ. Lúc bấy giờ có văn thần Cao Huy Trạc thù tụng rất hợp ý chúa. Bọn Nguyễn Công Thái, Vũ Công Tể, Nguyễn Trác Luân, Dương Mại, Nguyễn Đức Huy, Nguyễn Kiều cũng vì có văn học được chúa thân yêu. Quản Dĩnh ám tả được toàn bài *Bình Ngô đại cáo* được bổ làm Đốc đồng Sơn Nam. Như thế Nho thần ai cũng được khích lệ" (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 142-143).

Theo *Lịch triều tạp ký*: Chúa Trịnh sai các triều sĩ soạn bài châm "Biết người" [Tri nhân châm] đem dâng để thử xem tài học súc tích của từng người. Việc này giao cho Thư phủ Đặng Đình Tướng và Tham tụng Nguyễn Quý Đức trông nom điểm duyệt. Trong số những người dự cuộc ấy, được liệt hạng nhất là Hình bộ Tả thị lang bồi tụng Lê Anh Tuấn, hạng nhì là Hàn lâm viện hiệu lý Bùi Sỹ Tiêm, hạng ba là Hình khoa cấp sự trung Lê Khắc Thuần và hạng

tư là Lại khoa cấp sự trung Tần Lê Thuần. Bấy giờ Đặng Đình Tường và Nguyễn Quý Đức cùng soạn bài châm “Biết người” để dâng chúa Trịnh với nội dung chính là tung hô, ca ngợi công đức của chúa Trịnh và vương triều.

Cũng theo *Lịch triều tạp ký*, ngày 24 tháng 6 năm Canh Tý (1720), chúa Trịnh đích thân làm bài thơ “Thời vũ giáng, dân đại duyệt” bằng chữ Nôm. Bấy giờ các triều thần như Nguyễn Đương Hồ, Nguyễn Toàn và Lê Hữu Kiều đều họa vần bài thơ trên. Họ đều được thưởng tiền, có hơn kém khác nhau.

Năm 1728 ngày Kỷ Sửu tháng 8, Chúa Trịnh mời các triều sĩ vào phủ đường, sai làm bài “Tự văn” biếu dương Ngũ kinh. Văn của thám hoa Phạm Khiêm Ích, Lại bộ thị lang, được lấy vào hạng nhất trúng cách. Bấy giờ chúa Trịnh lại đích thân làm hai bài thơ, đầu đề “hùng cứu sô dưỡng giả thoát hổ khẩu” (một bài ngũ ngôn, 25 vần; một bài thất ngôn luật, bằng Nôm). Phạm Khiêm Ích họa lại, đều hợp ý nhà chúa...

Thời Lê Trung hưng, các chúa Trịnh thường ban, tặng thơ cho các quan lại. Khi Thiệu phó Ứng quận công Đặng Đình Tường, Thượng thư Nguyễn Đương Bao vin lệ về hưu, xin trí sĩ, chúa Trịnh chuẩn y lời thỉnh cầu và làm thơ để ban cho. Nguyễn Đương Bao theo vần họa lại, dâng lên tạ ơn.

Khi Thiệu phó Triệu quận công Nguyễn Huy Nhuận trí sĩ, chúa Trịnh Doanh ban 12 cờ lụa thêu, câu đối và một bài thơ *Quan phủ liêu* sức cho dân xã của 6 tổng huyện Gia Lâm theo lệ đến rước về làng. Bài thơ có câu: “Thỏa lòng áo gấm về quê cũ/ Vàng vạc lòng trung độ mùa dương”. Nguyễn Huy Nhuận có biểu tạ ơn, nói: “Làm quan trí sĩ, vinh hạnh xưa nay. Gieo trâm theo lễ, chính tuổi ‘tòng tâm’ cõi ẩn không đợi bảy mươi là người ‘trí túc’. Hào lực tam từng dâng khó nhọc, bốn mươi năm cũng đã lâu

rồi. Ngồi không lấp đường hiền giả. So kinh luân xa kém người tài. Há quên lòng ngựa nhớ tàu. Xin tạm treo xe nghỉ việc, Ngọ Kiều ngày ám, tiêu dao non nước vui chơi. Thần cực trời cao, phảng phất quân thiều mộng tưởng”. Nguyễn Huy Nhuận có thơ lưu tặng các quan đồng triều. Các quan đồng triều đều họa vần bài thơ của Nguyễn Huy Nhuận để tiễn (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 183-184).

Có thể thấy ở đây một bầu không khí sinh hoạt văn chương cung đình rất gần gũi với thời Lê Thánh Tông và hội Tao Đàn nổi tiếng trong lịch sử. Chúa Trịnh tặng thơ cho các quan, các quan họa lại, các quan cũng xướng họa với nhau, rồi có cuộc thi thơ, sát hạch bằng thơ... Tất cả tạo nên một không khí hòa đồng gần gũi giữa chúa tôi trong sinh hoạt văn chương mà điều đó không phải vị vua, chúa nào cũng muốn làm và có thể làm được. “Cả hậu cung của chúa cũng có mấy bà phi sành và có sáng tác thơ, truyện thơ Nôm, hơn thế có thể còn có cả sinh hoạt văn thơ trong hậu cung, việc đó cũng là hiện tượng hiếm và quý” (Trần Thị Băng Thanh, 2010: 273).

4. Các tác giả tiêu biểu của dòng thơ văn chúa Trịnh

4.1. Trịnh Căn

Trịnh Căn (1633-1709) là con trai thứ tư của Tây vương Trịnh Tạc (1606-1682), nhưng do ba người anh đều mất sớm nên ông được xem là con trưởng kế thừa ngôi chúa. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Trịnh Căn khi còn trẻ vì phạm tội phải giam trong ngục, sau dùng “kế quỷ quyệt” được thoát tội. Từ vị thế một người bị ruồng bỏ, Trịnh Căn được lên ngôi chúa, vượt lên trên những nhân vật quyền lực khác của họ Trịnh. Giáo sĩ phương Tây Samuel Baron khi viễn du đến vương quốc Đàng Ngoài, có thời gian sống ở Đông Kinh (Thăng Long) đã nhận xét chúa Trịnh Căn là “nhà chính trị ranh mãnh và có tài cai

trị” (Dror, TayLor, 2020: 538). Cuộc đời và sự nghiệp Trịnh Căn thường được học giới đánh giá là gạch nối giữa thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh và thời kỳ thái bình ở Đàng Ngoài. Nhìn chung, ông đã tiến hành nhiều cải cách chính trị, kinh tế, văn hóa,... tạo ra một thời kỳ khá yên ổn, thịnh vượng của nước nhà. Theo *Đại Việt sử ký tục biên*, khi ở ngôi chúa, Trịnh Căn cho chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ việc học hành thi cử từ trung ương đến địa phương, cử các quan trọng thân kiêm lĩnh Quốc Tử Giám; định ra quy chế thi cử nghiêm ngặt, đồng thời khôi phục thể văn thời Hồng Đức (chuộng sự hôn hậu, tao nhã, sát thực) thay cho sự khuôn sáo, trùng lặp từ thời Lê Trung hưng về sau. Đặc biệt, Trịnh Căn sai các Nho thần Lê Hy và Nguyễn Quý Đức biên soạn sách *Bản kỷ tục biên* từ Vua Lê Huyền Tông (1633-1671) đến Vua Lê Gia Tông (1672-1675), tiếp theo phần do Phạm Công Trứ biên soạn từ Vua Lê Trang Tông (1533-1548) đến Vua Lê Thần Tông (1649-1662), trong bộ sách mang tên *Quốc sử thực lục*.

Cùng với Lê Thánh Tông và văn nhân thời Hồng Đức, chúa Trịnh Căn đã góp phần phát triển phong trào sáng tác và đưa thơ Nôm vào nền văn học chính thống Đại Việt. Thi tập *Ngự đề Thiên Hòa doanh bách vịnh* của Trịnh Căn có 88 bài thơ Nôm và hai bài thơ chữ Hán viết theo thể thơ thất ngôn bát cú. Trong số đó, nhiều bài có ghi kèm theo lời dẫn khá dài bằng Hán văn của chính tác giả, nói rõ nguyên do, hoàn cảnh làm bài thơ, đồng thời có ngụ cả ở những lời dẫn thuyết đạo ngôn chí. Thơ Trịnh Căn tràn đầy cảm hứng ca tụng và thuyết giáo tư tưởng Nho gia. Trịnh Căn làm thơ đề ca tụng vương triều, ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị đề cao công đức thánh nhân, tưởng nhớ công ơn tổ tiên, đồng thời ca ngợi công lao của chính mình; phong cách sáng tác mang tính chất cung đình khá gần gũi với phong cách thơ thời Lê Thánh Tông trong

Hồng Đức quốc âm thi tập. Có lẽ vì thế mà có một số bài thơ của Trịnh Căn được người đời sau chép lẫn, chép chung trong thi tập đó như: *Thiên Phúc tự, Trấn Vũ quán, Pháp Vũ tự, Trấn Quốc tự*... Ngoài ra, ở một số danh lam thắng cảnh cũng còn lưu dấu bút tích thơ ông, như: bài *Pháp Vũ tự thi* ở chùa Đậu (Thường Tín, Hà Nội), bài *Phật Tích sơn tự thi* (Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội), v.v...

4.2. Trịnh Cương

Kế thừa những thành quả có được từ thời chúa Trịnh Căn, chúa Trịnh Cương (1686-1729) tiếp tục thi hành những chính sách tích cực nhằm ổn định nền chính trị xã hội ở Đàng Ngoài. Là vị chúa cầm quyền trong thời thái bình, ít có chiến tranh hay bạo loạn nên Trịnh Cương có điều kiện đi tuần du văn cảnh các nơi, cho sửa dựng tu tạo nhiều đền chùa, cung miếu,... và sáng tác văn học.

Ngoài một số bài được chép trong *Lịch triều tạp ký, Đại Việt sử ký tục biên*,... thơ Trịnh Cương chủ yếu có trong *Lê triều ngự chế quốc âm thi* - một tập thơ du ký ghi chép cảm tưởng, nhận xét về những vùng đất, những danh lam thắng cảnh mà thi nhân - chúa Trịnh đã đi qua. *Lê triều ngự chế quốc âm thi* gồm: “Tuần tỉnh ký trình khúc”, “Quan tỉnh Hoa trình ký”, “Thời tuần tức sự ký”. Các tác phẩm này giống như những thiên ký sự bằng thơ mô tả các chuyến tuần du, tuần tỉnh của chúa Trịnh về các vùng miền đất nước. Trong mỗi chuyến đi ngao du sơn thủy như vậy, chúa Trịnh Cương cảm khái làm thơ đề vịnh phong cảnh thiên nhiên, chùa miếu, hang động... mang cảm hứng hoài cổ, ngợi ca cảnh sông núi, chùa miếu, thiên nhiên, thể hiện thú thưởng ngoạn của bậc quân vương. Những bài thơ vịnh cảnh, vịnh nơi chốn trong thơ Trịnh Cương mang vẻ đẹp lung linh, đài các, thanh nhã (dù đó là đền đài, miếu mạo, chùa chiền hay thành quách, đạo lộ, sông

ngôi, khe suối,...); có những bài thơ ca ngợi vùng đất, con sông gắn liền với những chiến công hiển hách của dân tộc. Đọc những bài thơ của chúa Trịnh Cương, có thể mừng tượng về cảnh thanh bình của nước Việt thời vua Lê Trung hưng và hẳn sẽ thấy đó là một thi tập có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật.

4.3. Trịnh Doanh

Chúa Trịnh Doanh (1720-1767) có cuộc đời và sự nghiệp đặc biệt, ông tiếp quản triều chính khi chiến sự gay go, chuyển thế nguy thành an cho nước nhà, trọng dụng nhân tài chỉnh đốn chính sự, say mê công việc và yêu thích thi ca, đặc biệt là thơ Nôm. Sinh thời, do địa vị của Trịnh Doanh, thơ ca của ông được lưu giữ khá trọn vẹn, nhưng chưa thành tập. Sau khi Trịnh Doanh qua đời, phần lớn thơ ca của ông đã được con trai ông là Trịnh Sâm sai văn thân Phan Lê Phiên thu chép, sắp xếp thành tập, đặt tên là *Càn Nguyên ngự chế thi tập*. Tập thơ này có 263 bài, trong đó có 241 bài thơ Nôm và 22 bài thơ chữ Hán. Nội dung chính của tập thơ xoay quanh các vấn đề: Quan niệm về tu thân, tề gia, trị nước; Chỉ bảo, khuyến khích bề tôi làm tròn nhiệm vụ; Đề, vịnh cảnh vật, bày tỏ cảm xúc. Những nội dung trên phần lớn do yêu cầu chính trị, quân sự và hoàn cảnh cụ thể. Thể thơ chủ yếu là thơ Đường luật, đôi lúc xen với câu 6 chữ, một số ít làm theo thể thơ lục bát hoặc thơ song thất lục bát. Ngoài ra, thơ ông còn được chép trong các sách *Lịch triều tạp ký*, *Đại Việt sử ký tục biên*... hay còn lưu dấu ở một số danh lam thắng cảnh, bia đá, biển gỗ,... Trịnh Doanh có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển thi ca dân tộc, nhất là khi được sáng tác chủ yếu bằng chữ Nôm.

4.4. Trịnh Sâm

Trịnh Sâm (1739-1782) là vị chúa thông minh, quyết đoán, văn võ song toàn, am hiểu kinh sử thơ văn. Ông nổi tiếng với

Tâm thanh tồn duy tập. Tuy nhiên, nguyên bản *Tâm thanh tồn duy tập* dường như đã thất truyền, không còn trọn vẹn (một cách rất đáng tiếc). Hiện nay, thi tập này chỉ còn 25 bài mà học giả Nguyễn Văn Tố đã phiên âm và bài *Tự tự* của Trịnh Sâm (được Phan Huy Chú sao lục trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí*). Bài tựa cho thấy quan niệm thơ ca của Trịnh Sâm và có lẽ là phần nào nội dung tư tưởng của thi tập. Theo ông, thơ chính là biểu hiện của “tâm” thành “chí”. Do đó, nhiệm vụ của người làm thơ là tu dưỡng “tâm”, “chí”, mà ở đây hiển nhiên có mối liên hệ mật thiết với đạo lý Nho gia theo tinh thần lý học. Chúa Trịnh Sâm gắn với Tông Nho ở quan niệm chủ trương bảo tồn tính lý mà trừ bỏ dục vọng, làm cho tâm người được chuẩn mực, khuôn phép. Ngay tên gọi thi tập của Trịnh Sâm là 心聲存肄集 - *Tâm thanh tồn duy tập* (Tập thơ chép lưu lại, để sau xem mà học tập, tu dưỡng, rèn luyện) cũng bao hàm ý niệm sâu xa đó. Ngoài *Tâm thanh tồn duy tập*, Trịnh Sâm còn có nhiều sáng tác được chép trong các sách như: *Bình Ninh thực lục*, *Minh Đô thi tuyển*, *Lê triều danh nhân thi tập*, *Danh ngôn tạp trứ*, v.v... Riêng *Bình Ninh thực lục* chép một bài thơ và một bài từ bằng chữ Nôm là *Ngự chế Lạc hoàn dịch Quốc âm thi* và *Ngự chế Quốc âm từ khúc*. Bài từ khúc *Ngự chế Quốc âm từ khúc* không sử dụng thể thơ lục bát hay song thất lục bát như các bài khúc ngâm thông thường mà được viết theo lối văn biên ngẫu của thể phú.

Khi ở ngôi chúa, Trịnh Sâm thường đi thường ngoạn phong cảnh núi sông, đến đâu cũng làm thơ đề vịnh. Bút tích thơ ông còn lưu lại trên các vách đá, hang động và nhiều danh lam thắng cảnh của nước Việt nên hậu thế tôn vinh ông là thi sĩ của “thạch thi”. Thơ, câu đối của Trịnh Sâm cũng còn lưu dấu ở nhiều chùa chiền, danh lam thắng cảnh như: chùa Hương Tích, chùa Phi Lai,

núi Sài Sơn, núi Thần Phù, núi Bài Thơ, động Từ Thức, động Hồ Công trên núi Xuân Đài,... và được chép lẫn với nhiều tác giả khác trong một số thi tuyển. Chẳng hạn, trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* có chép lẫn hai bài thơ *Ngư Lang đãi Chức Nữ thi* và *Chức Nữ ưc Ngư Lang thi* của Trịnh Sâm. Theo sách *Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh*, hai bài thơ Nôm này cũng được chép trong *Minh đô thi tuyển*.

Về văn học, “không bao giờ chúng ta được thịnh vượng như các đời Trịnh Doanh, Trịnh Sâm. Nếu Việt Nam còn được ít nhiều sách vở để khỏi hổ với hai tiếng ‘quốc học’, chính là nhờ ở những vị chúa thông minh và hiếu học ấy (...) Trịnh Sâm ham học và thông minh rất sớm. Những thơ, văn ông làm ra đều hàm súc những ý tưởng rất rộng rãi và sâu xa. Nét bút của ông thì mạnh mẽ, các danh bút sau này ít ai bì kịp” (Phan Trần Chúc, 1943: 10).

5. Giá trị của dòng thơ văn các chúa Trịnh

Thời trung đại, vua chúa, quý tộc khi sáng tác thơ văn thường gọi mở tinh thần đề cao, tán dương, khẳng định triều đại. Các chúa Trịnh thì ban thơ khen ngợi quần thần, khích lệ sự cống hiến của họ; còn quần thần khi làm thơ thì tung hô, ca tụng công đức nhà chúa. Lối thơ tụng ca, thù phụng này vốn đã phổ biến ở thời Lê Thánh Tông với *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Đến thời Lê Trung hưng, các chúa Trịnh cùng các Nho thần trong phủ chúa vẫn nhiệt tình tiếp nối khuynh hướng đó. Cũng giống như Lê Thánh Tông, các chúa Trịnh làm thơ để ca tụng vương triều, đề cao công đức thánh nhân, tưởng nhớ công ơn tổ tiên và đồng thời ca ngợi công lao của chính mình. Ngoài ca tụng triều đại, thơ ca chúa Trịnh cũng có nhiều bài vịnh cảnh trí thiên nhiên, ngợi ca cuộc sống thái bình, tán thưởng nghệ sĩ đàn hát, ngợi ca công trình kiến trúc với khải khí của bậc vương giả. Nhiều bài

vịnh thiên nhiên, khí hậu, danh lam thắng tích, người và cảnh vật nơi cung vua phủ chúa như: *Vịnh Thủy Tạ thi* (Thơ vịnh nhà Thủy Tạ), *Vịnh quỳnh cái thi* (Thơ vịnh chiếc tán ngọc quỳnh), *Vịnh tân lâu Diệu Hải thi* (Thơ vịnh lầu mới Diệu Hải), *Vịnh long kiêu thi* (Thơ vịnh kiêu rồng), *Vịnh loan xa thi* (Thơ vịnh xe loan), *Vịnh thị kiêu thi* (Thơ vịnh vồng châu), *Vịnh tượng thi* (Thơ vịnh voi), *Vịnh mã thi* (Thơ vịnh ngựa), *Vịnh thuyền thi* (Thơ vịnh thuyền), *Vịnh súng thi* (Thơ vịnh súng), *Vịnh cung thi* (Thơ vịnh cung), *Vịnh nổ thi* (Thơ vịnh nổ), *Vịnh kiếm thi* (Thơ vịnh kiếm), *Vịnh bút thi* (Thơ vịnh bút), *Vịnh nghiên thi* (Thơ vịnh nghiên), *Vịnh phiến thi* (Thơ vịnh quạt), *Quản giáp* (Người kếp hát), *Vịnh tam hữu Thông, Trúc, Mai* (Vịnh ba người bạn Thông, Trúc, Mai), *Đào nương*, v.v... Qua việc vịnh những vật cụ thể như cung, quạt, nổ, đàn, kiếm, bút,..., nhà thơ thể hiện tư tưởng, bày tỏ tình cảm, triết lý của bản thân. Các bài thơ đề vịnh đều ngụ ý ngợi ca xã hội thái bình, triều đại thịnh trị, công đức tổ tông mở nền cơ nghiệp và thể hiện niềm tự hào của tác giả về văn vật đất nước.

Thời Lê Trung hưng, nhiều vị chúa Trịnh là những nhà chính trị, quân sự mạnh mẽ và quyền biến nhưng cũng lại yêu thích và có tài sáng tác thơ văn, có ý thức dùng văn học để “nói chí”, “chở đạo”. Có lẽ họ luôn ý thức rõ về vai trò của văn chương đối với sự khẳng định tài năng và quyền lực của mình. Sáng tác văn học đối với họ thực chất là “việc làm chính trị” sử dụng sức mạnh của văn học nghệ thuật để thuyết giáo, tuyên truyền cho đạo trị nước. Ngay những tác phẩm tưởng như được sáng tác vì các mục đích nghệ thuật (thơ thù tạc, ngâm vịnh, tống tặng, từ khúc...) xét cho cùng vẫn thực hiện những chức năng rất thực tiễn gắn liền với đời sống chính trị - tư tưởng đương thời. Trong *Ngư đề Thiên*

Hòa doanh bách vịnh, Lê triều ngự chế quốc âm thi, Càn Nguyên ngự chế thi tập và Tâm thanh tôn duy tập, chúng ta thấy có nhiều bài thơ bề ngoài là thù tạc, tả cảnh, tả tình nhưng thực chất là những công cụ tuyên truyền, giáo huấn về chính trị, góp phần củng cố vương quyền. Nhìn chung, những sáng tác văn học cung đình đó đậm đặc các quan niệm của Nho giáo về tam cương, ngũ thường, thiên mệnh, đức trị, nhân trị, tu tâm dưỡng tính, tri nhân luận thế, về lý học, tâm học, v.v...

Do mang sắc thái văn hóa cung đình, dòng thơ ca các chúa Trịnh khó tránh khỏi sự khuôn sáo, nghi thức. Tuy thơ ca của họ thể hiện được sự uyên bác, tao nhã nhưng lại thường công thức, gò bó, ít cảm xúc, ít nội dung thực sự có giá trị văn chương và nhân sinh. Tuy nhiên, với việc hướng đến củng cố triều đại, xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị,... nội dung của dòng văn học này về cơ bản cũng phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc ở những giai đoạn nhất định nên vẫn có giá trị thực tế, hữu ích. Đó là chưa kể, trong những tác phẩm mang tính chất thù phụng, ngợi ca ấy có không ít những tác phẩm viết rất hay về thiên nhiên đất nước, về phong cảnh trữ tình, tương đối có giá trị thẩm mỹ.

6. Kết luận

Dù bị thất truyền nhiều nhưng đến nay di sản thơ văn của các chúa Trịnh để lại cho hậu thế vẫn còn không ít, chủ yếu là thơ với khoảng hơn bốn trăm bài, trong đó phần lớn là thơ Nôm hiện nằm trong nhiều tư liệu khác nhau như: thi tập, sách địa chí, lịch sử, gia phả, bia đá, biển gỗ, bảng đồng,... Các tác phẩm đó phản ánh tư tưởng, trí tuệ và tình cảm của các vị chúa họ Trịnh đối với triều đại, đất nước và người dân đương thời. Chúng đậm chất “khâu khí” để vương và phong cách nghệ thuật cung đình. Có thể thấy, dòng thơ văn các chúa Trịnh là dòng văn học phát triển thịnh đạt và có những

đóng góp tương đối quan trọng cho lịch sử văn hóa, văn học dân tộc. Nghiên cứu dòng thơ văn chúa Trịnh sẽ có giá trị bổ sung một hướng tiếp cận đối với văn học sử Việt Nam (tiếp cận văn học cung đình, văn học quan phương). Không những thế, còn góp phần gợi mở một số vấn đề mang tính liên ngành, xuyên ngành mà nhiều bộ môn khoa học xã hội Việt Nam hiện đang quan tâm □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Trần Chúc (1943), *Tĩnh Đô vương (và thời Lê Mạc)*, Mai Linh xuất bản.
2. Dror, Olga, TayLor, K.W. (2020), *Việt Nam thế kỷ XVII - Những góc nhìn từ bên ngoài*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
3. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Ngô Cao Lãng, Xiển Trai (1995), *Lịch triều tạp ký*, Hoa Bằng - Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Quốc sử quán triều Lê (2012), *Đại Việt sử kí tục biên [1676-1789]*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nguyễn Đồng Chi hiệu đính, Tái bản, Nxb. Hồng Bàng - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 2, Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch, chú thích, Tái bản, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Thị Băng Thanh (2010), “Chúa Trịnh Cương trong dòng văn Trịnh phủ”, trong: *Chúa Trịnh Cương cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Đinh Khắc Thuân (Chủ biên, 2009), *Tứ bình thực lục thời chúa Trịnh*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
9. Tạ Chí Đại Trường (2009), *Bài sử khác cho Việt Nam*, Văn mới.